

TT	Họ và tên thí sinh	SBD	Lớp	Ngày sinh	Ghi chú
1	Nguyễn Thu An	900001	9A4	22/07/1999	
2	Bùi Thị Yến Anh	900002	9A4	17/07/1999	
3	Đào Tuấn Anh	900003	9A2	19/10/1999	
4	Đặng Lại Phong Anh	900004	9A4	14/08/1999	
5	Đình Minh Anh	900005	9A2	10/05/1999	
6	Đỗ Thị Phương Anh	900006	9A3	09/05/1999	
7	Hồ Trung Anh	900007	9A1	28/02/1999	
8	Lê Hải Anh	900008	9A2	01/10/1999	
9	Lê Hoàng Anh	900009	9A5	13/02/1999	
10	Luyện Công Anh	900010	9A5	21/01/1999	
11	Lương Đức Anh	900011	9A1	11/10/1999	
12	Ngô Hải Anh	900012	9A1	10/08/1999	
13	Nguyễn Đức Anh	900013	9A2	16/09/1999	
14	Nguyễn Hùng Anh	900014	9A3	12/10/1999	
15	Nguyễn Phạm Quang Anh	900015	9A5	06/02/1999	
16	Nguyễn Quỳnh Anh	900016	9A3	19/05/1999	
17	Nguyễn Thị Lan Anh	900017	9A2	02/03/1999	
18	Nguyễn Thị Mai Anh	900018	9A4	16/10/1999	
19	Nguyễn Thục Anh	900019	9A5	01/11/1999	
20	Phạm Thị Vân Anh	900020	9A1	03/05/1999	
21	Trần Hoàng Anh	900021	9A4	13/07/1999	
22	Trịnh Nguyễn Minh Anh	900022	9A5	23/03/1999	
23	Vũ Đặng Hải Anh	900023	9A4	17/07/1999	
24	Vũ Quỳnh Anh	900024	9A2	23/08/1999	
25	La Gia Bảo	900025	9A2	13/10/1999	
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					

TT	Họ và tên thí sinh	SBD	Lớp	Ngày sinh	Ghi chú
1	Nguyễn Gia Bách	900026	9A5	01/11/1999	
2	Lê Đức Bình	900027	9A1	20/04/1999	
3	Lê Ngọc Bình	900028	9A4	04/09/1999	
4	Nguyễn Đức Bình	900029	9A1	12/02/1999	
5	Phạm Minh Châu	900030	9A4	15/07/1999	
6	Nguyễn Hà Lan Chi	900031	9A1	04/05/1999	
7	Nguyễn Linh Chi	900032	9A5	09/02/1999	
8	Phạm Triệu Linh Chi	900033	9A3	27/08/1999	
9	Trần Thị Minh Chi	900034	9A5	23/03/1999	
10	Vũ Lan Chi	900035	9A5	03/06/1999	
11	Phạm Kỳ Cường	900036	9A2	04/04/1999	
12	Bùi Trần Quốc Cường	900037	9A2	31/12/1999	
13	Chu Tấn Cường	900038	9A5	25/06/1999	
14	Phan Văn Cường	900039	9A4	04/03/1999	
15	Nguyễn Đức Dân	900040	9A3	08/01/1999	
16	Nguyễn Thị Bích Diệp	900041	9A3	10/11/1999	
17	Nguyễn Thị Thùy Dung	900042	9A3	26/10/1999	
18	Vũ Thúy Dung	900043	9A3	27/07/1999	
19	Nguyễn Khánh Duy	900044	9A3	27/10/1999	
20	Nguyễn Sỹ Vương Duy	900045	9A1	24/06/1999	
21	Đàm Anh Dũng	900046	9A1	02/07/1999	
22	Hoàng Phạm Tuấn Dũng	900047	9A2	02/09/1999	
23	Nguyễn Công Dũng	900048	9A1	15/06/1999	
24	Nguyễn Trí Dũng	900049	9A3	03/05/1999	
25	Chu Thùy Dương	900050	9A3	17/12/1999	
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					

TT	Họ và tên thí sinh	SBD	Lớp	Ngày sinh	Ghi chú
1	Đào Thùy Dương	900051	9A4	14/06/1999	
2	Đình Thùy Dương	900052	9A5	16/02/1999	
3	Nguyễn Hà Thùy Dương	900053	9A4	21/11/1999	
4	Trần Đại Dương	900054	9A3	01/06/1999	
5	Vũ Minh Dương	900055	9A2	06/07/1999	
6	Đình Hoàng Đại	900056	9A5	30/10/1999	
7	Lương Quang Đạt	900057	9A5	27/03/1999	
8	Triệu Quốc Đạt	900058	9A1	24/10/1999	
9	Trịnh Quang Hải Đăng	900059	9A4	11/08/1999	
10	Nguyễn Triệu Đông	900060	9A2	19/01/1999	
11	Nghiêm Thành Đức	900061	9A4	30/12/1999	
12	Ngô Minh Đức	900062	9A2	12/02/1999	
13	Đoàn Đình Giang	900063	9A2	16/10/1999	
14	Đỗ Thu Giang	900064	9A4	24/07/1999	
15	Lê Hương Giang	900065	9A2	07/09/1999	
16	Nguyễn Minh Giang	900066	9A1	06/05/1999	
17	Nguyễn Thị Hương Giang	900067	9A4	25/03/1999	
18	Trần Thu Giang	900068	9A2	11/10/1999	
19	Tuan Akbar Kummis Hajireen	900069	9A2	04/03/1999	
20	Nguyễn Đức Hà	900070	9A4	29/04/1999	
21	Nguyễn Việt Hà	900071	9A3	30/07/1999	
22	Vũ Thị Phương Hà	900072	9A3	10/04/1999	
23	Nguyễn Xuân Hải	900073	9A1	07/05/1999	
24	Đoàn Thị Ngọc Hào	900074	9A1	31/08/1999	
25	Đỗ Ngân Hạnh	900075	9A4	10/03/1999	
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					

TT	Họ và tên thí sinh	SBD	Lớp	Ngày sinh	Ghi chú
1	Lê Minh Hạnh	900076	9A2	06/11/1999	
2	Nguyễn Hồng Hạnh	900077	9A2	13/09/1999	
3	Nguyễn Mỹ Hạnh	900078	9A3	16/11/1999	
4	Phạm Minh Hạnh	900079	9A4	10/01/1999	
5	Nguyễn Lê Ngọc Hân	900080	9A4	08/12/1999	
6	Giang Lê Khánh Hiền	900081	9A4	02/09/1999	
7	Vương Vũ Thúy Hiền	900082	9A2	10/07/1999	
8	Trần Duy Hiền	900083	9A1	26/02/1999	
9	Nguyễn Duy Hiếu	900084	9A2	03/11/1999	
10	Nguyễn Minh Hiếu	900085	9A5	03/06/1999	
11	Vũ Minh Hiếu	900086	9A3	13/10/1999	
12	Vũ Minh Hiếu	900087	9A1	28/10/1999	
13	Hồ Quang Hiệu	900088	9A4	16/08/1999	
14	Đặng Phương Hoa	900089	9A5	20/11/1999	
15	Nguyễn Quỳnh Hoa	900090	9A5	01/07/1999	
16	Nguyễn Thị Mai Hoa	900091	9A3	02/08/1999	
17	Lê Hoàng	900092	9A5	21/01/1999	
18	Lê Nhật Hoàng	900093	9A3	26/11/1999	
19	Nguyễn Việt Hoàng	900094	9A3	21/02/1999	
20	Trần Huy Hoàng	900095	9A5	17/03/1999	
21	Trần Lê Hoàng	900096	9A2	12/11/1999	
22	Phùng Nhật Hồng	900097	9A5	26/07/1999	
23	Hà Đình Huy	900098	9A2	17/11/1999	
24	Lê Quang Huy	900099	9A1	29/04/1999	
25	Nguyễn Văn Quang Huy	900100	9A3	19/11/1999	
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					

TT	Họ và tên thí sinh	SBD	Lớp	Ngày sinh	Ghi chú
1	Phạm Quang Huy	900101	9A2	25/08/1999	
2	Lê Minh Huyền	900102	9A5	18/03/1999	
3	Nguyễn Diệu Huyền	900103	9A1	20/10/1999	
4	Nguyễn Minh Huyền	900104	9A4	27/08/1999	
5	Đặng Vũ Duy Hưng	900105	9A4	28/09/1999	
6	Nguyễn Doãn Việt Hưng	900106	9A5	26/03/1999	
7	Bùi Diễm Hương	900107	9A2	25/10/1999	
8	Bùi Thị Lan Hương	900108	9A1	15/11/1999	
9	Nguyễn Việt Diệu Hương	900109	9A3	26/12/1999	
10	Hoàng Thu Hường	900110	9A5	07/07/1999	
11	Nguyễn Hoàng Bảo Khanh	900111	9A2	06/05/1999	
12	Nguyễn Tuấn Kiệt	900112	9A5	10/11/1999	
13	Quách Chí Kiệt	900113	9A1	26/11/1999	
14	Phạm Anh Kim	900114	9A2	31/05/1999	
15	Nguyễn Thị Hương Lan	900115	9A3	29/07/1999	
16	Mai Lâm	900116	9A2	05/10/1999	
17	Ngô Mạnh Lâm	900117	9A4	30/06/1999	
18	Nguyễn Tùng Lâm	900118	9A5	07/10/1999	
19	Bùi Khánh Linh	900119	9A1	30/06/1999	
20	Bùi Phương Linh	900120	9A4	31/08/1999	
21	Bùi Thị Diệu Linh	900121	9A3	02/02/1999	
22	Bùi Thị Thùy Linh	900122	9A4	22/09/1999	
23	Chu Ngọc Thùy Linh	900123	9A3	23/06/1999	
24	Đào Nguyễn Thùy Linh	900124	9A1	26/05/1999	
25	Hoàng Hương Linh	900125	9A5	23/03/1999	
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					

TT	Họ và tên thí sinh	SBD	Lớp	Ngày sinh	Ghi chú
1	Hoàng Khánh Linh	900126	9A5	20/10/1999	
2	Lương Diệu Linh	900127	9A3	16/08/1999	
3	Ngô Kiều Thảo Linh	900128	9A5	16/09/1999	
4	Nguyễn Hà Linh	900129	9A5	29/04/1999	
5	Nguyễn Hoàng Linh	900130	9A1	01/07/1999	
6	Nguyễn Phan Khánh Linh	900131	9A2	25/08/1999	
7	Nguyễn Thị Diệu Linh	900132	9A1	28/10/1999	
8	Nguyễn Thị Hà Linh	900133	9A4	07/03/1999	
9	Phạm Thị Thùy Linh	900134	9A4	04/11/1999	
10	Phạm Vân Nhạc Linh	900135	9A3	12/02/1999	
11	Phí Nhật Linh	900136	9A2	25/05/1999	
12	Trương Thị Diệu Linh	900137	9A2	28/02/1999	
13	Nguyễn Bá Lộc	900138	9A4	21/10/1999	
14	Đồng Tất Lượng	900139	9A1	18/03/1999	
15	Lại Trần Khánh Ly	900140	9A1	13/05/1999	
16	Phạm Thị Hương Ly	900141	9A5	04/12/1999	
17	Mai Đức Mạnh	900142	9A2	28/08/1999	
18	Phạm Đức Mạnh	900143	9A5	12/10/1999	
19	Lê Hoàng Minh	900144	9A3	13/12/1999	
20	Lê Quang Minh	900145	9A1	07/08/1999	
21	Nguyễn Hồng Minh	900146	9A5	22/01/1999	
22	Nguyễn Thị Hoàng Minh	900147	9A3	27/12/1999	
23	Võ Thu Minh	900148	9A2	10/01/1999	
24	Đỗ Thị Hà My	900149	9A5	22/10/1999	
25	Trịnh Thanh Hà My	900150	9A2	08/05/1999	
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					

TT	Họ và tên thí sinh	SBD	Lớp	Ngày sinh	Ghi chú
1	Hà Hải Nam	900151	9A2	06/03/1999	
2	Mai Thành Nam	900152	9A3	08/09/1999	
3	Nguyễn Hoàng Nam	900153	9A5	20/06/1999	
4	Nguyễn Phương Nam	900154	9A1	01/04/1999	
5	Nguyễn Thành Nam	900155	9A3	04/04/1999	
6	Phạm Thu Nga	900156	9A1	27/08/1999	
7	Nghiêm Trọng Nghĩa	900157	9A5	23/01/1999	
8	Trần Hữu Nghĩa	900158	9A2	23/12/1999	
9	Nguyễn Ánh Ngọc	900159	9A4	28/03/1999	
10	Nguyễn Mai Ngọc	900160	9A4	27/01/1999	
11	Nguyễn Thu Ngọc	900161	9A5	02/06/1999	
12	Tạ Hồng Ngọc	900162	9A4	27/05/1999	
13	Vũ Phương Ngọc	900163	9A4	17/08/1999	
14	Bạch Đức Khôi Nguyên	900164	9A5	14/10/1999	
15	Thái Khắc Nguyên	900165	9A3	27/09/1999	
16	Hoàng Minh Nhật	900166	9A1	08/02/1999	
17	Nguyễn Sỹ Nhật	900167	9A2	14/01/1999	
18	Văn Ngọc Trần Ninh	900168	9A5	24/04/1999	
19	Nguyễn Hồng Phong	900169	9A5	16/08/1999	
20	Nguyễn Tuấn Phong	900170	9A2	30/01/1999	
21	Đậu Lê Phú	900171	9A1	16/09/1999	
22	Dương Hữu Phúc	900172	9A4	12/11/1999	
23	Bùi Thu Phương	900173	9A1	02/10/1999	
24	Lê Hoài Phương	900174	9A3	16/12/1999	
25	Lê Quý Phương	900175	9A2	20/07/1999	
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					

TT	Họ và tên thí sinh	SBD	Lớp	Ngày sinh	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Giang Phương	900176	9A3	12/11/1999	
2	Nguyễn Thị Thảo Phương	900177	9A2	10/04/1999	
3	Nguyễn Thu Phương	900178	9A3	26/08/1999	
4	Nguyễn Thị Ánh Phương	900179	9A3	12/01/1999	
5	Hàn Ngọc Quang	900180	9A3	11/08/1999	
6	Nguyễn Đức Quang	900181	9A1	09/11/1999	
7	Đình Hồng Quân	900182	9A4	17/02/1999	
8	Nguyễn Anh Quân	900183	9A3	21/11/1999	
9	Đặng Hồng Quyên	900184	9A4	03/11/1999	
10	Lê Hạnh Quyên	900185	9A4	23/03/1999	
11	Lê Phương Quỳnh	900186	9A3	26/08/1999	
12	Trần Như Quỳnh	900187	9A5	10/10/1999	
13	Chu Đình San	900188	9A1	24/09/1999	
14	Đào Duy Sơn	900189	9A3	18/09/1998	
15	Nguyễn Đức Hải Sơn	900190	9A1	25/11/1999	
16	Nguyễn Quang Sơn	900191	9A4	16/05/1999	
17	Ngô Đức Tài	900192	9A1	13/12/1999	
18	Dương Minh Tâm	900193	9A4	12/09/1999	
19	Nguyễn Minh Tâm	900194	9A4	24/01/1999	
20	Đặng Xuân Thanh	900195	9A2	09/12/1999	
21	Lê Phương Thanh	900196	9A2	30/01/1999	
22	Phạm Phương Thanh	900197	9A5	20/12/1999	
23	Phạm Thị Ngọc Thanh	900198	9A3	07/05/1999	
24	Bùi Chí Thành	900199	9A4	29/06/1999	
25	Nguyễn Thu Thảo	900200	9A4	23/07/1999	
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					

TT	Họ và tên thí sinh	SBD	Lớp	Ngày sinh	Ghi chú
1	Nguyễn Hồng Thái	900201	9A5	03/07/1999	
2	Nguyễn Tất Thắng	900202	9A3	24/03/1999	
3	Vương Hà Thu	900203	9A5	20/07/1999	
4	Lê Thu Thủy	900204	9A1	20/09/1999	
5	Bùi Minh Thư	900205	9A2	30/09/1999	
6	Nguyễn Thanh Thư	900206	9A4	30/12/1999	
7	Nguyễn Bá Thức	900207	9A5	05/02/1999	
8	Vũ Lê Thủy Tiên	900208	9A2	23/08/1999	
9	Phạm Khánh Toàn	900209	9A5	27/09/1999	
10	Dương Hà Trang	900210	9A4	09/04/1999	
11	Lê Thị Minh Trang	900211	9A5	20/09/1999	
12	Nguyễn Hà Trang	900212	9A3	10/12/1999	
13	Nguyễn Minh Trang	900213	9A5	02/06/1999	
14	Nguyễn Thị Trang	900214	9A2	13/03/1999	
15	Nguyễn Thu Trang	900215	9A4	27/03/1999	
16	Phan Thị Thùy Trang	900216	9A1	16/06/1999	
17	Phạm Thu Trang	900217	9A1	01/09/1999	
18	Trần Lê Trang	900218	9A3	03/04/1999	
19	Trần Thị Thảo Trang	900219	9A3	19/07/1999	
20	Bùi Hương Trà	900220	9A2	08/10/1999	
21	Ngô Bảo Trâm	900221	9A1	19/07/1999	
22	Đặng Quang Trung	900222	9A3	31/07/1999	
23	Lê Trung	900223	9A3	11/03/1999	
24	Lê Quốc Trung	900224	9A1	21/08/1999	
25	Nguyễn Đức Thành Trung	900225	9A2	10/07/1999	
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					

TT	Họ và tên thí sinh	SBD	Lớp	Ngày sinh	Ghi chú
1	Nguyễn Thành Trung	900226	9A4	05/06/1999	
2	Cáp Xuân Trường	900227	9A4	18/05/1999	
3	Phan Việt Trường	900228	9A2	25/06/1999	
4	Nguyễn Công Tuấn	900229	9A2	06/03/1999	
5	Phạm Bảo Anh Tuấn	900230	9A4	10/10/1999	
6	Đỗ Nguyễn Việt Tùng	900231	9A3	15/09/1999	
7	Ong Ngọc Tùng	900232	9A4	01/08/1999	
8	Tổng Trần Việt Tùng	900233	9A1	21/11/1999	
9	Trịnh Thanh Tùng	900234	9A2	22/11/1999	
10	Lê Anh Tú	900235	9A3	23/08/1999	
11	Lê Anh Tú	900236	9A2	07/11/1999	
12	Nguyễn Anh Tú	900237	9A1	24/02/1999	
13	Nguyễn Hoài Tú	900238	9A1	04/06/1999	
14	Nguyễn Thạch Tú	900239	9A3	18/06/1999	
15	Lê Thị Thu Uyên	900240	9A4	15/08/1999	
16	Nguyễn Thị Phương Uyên	900241	9A5	13/04/1999	
17	An Đức Việt	900242	9A2	08/09/1999	
18	Trịnh Quang Vinh	900243	9A1	14/06/1999	
19	Trần Thị Hải Yến	900244	9A1	14/02/1999	
20	Vương Thị Hải Yến	900245	9A5	19/03/1999	
21					
22					
23					
24					
25					
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					